

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HS-PT  
Ngày 16-11-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Long Kiêm;

*Các Thẩm phán:* Ông Phùng Đức Chính;

Ông Vi Đức Trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Tống Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 74/2023/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Hà Đức T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2023/HS-ST ngày 29-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

**- Bị cáo có kháng cáo:** Hà Đức T, sinh ngày 03-7-1973 tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hà Văn N và bà Sần Mản M (đều đã chết); có vợ là Trương Thị V và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22-02-2023 đến nay; có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo:**

1. Bà Hoàng Thị H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Nguyễn Việt Đ và ông Lê Ngọc T - Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn N thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; ông Nguyễn Việt Đ có mặt; ông Lê Ngọc T; vắng mặt.

**- Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Văn H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1967, Phó

trưởng Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06-5-1997, Hà Đức T được Hà Văn M (hiện đã chuyển đến sống tại tỉnh Đắk Lắk không xác định được địa chỉ cụ thể) chuyển nhượng lại đất rừng mà ông Hà Văn M được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cấp hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ xanh) theo Quyết định số 158/UB-QĐ ngày 06-9-1994, tại hồ sơ đăng ký số 627, cấp ngày 27-7-1994 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Khu đất rừng trên có tổng diện tích 23,6 ha, trong đó 4,8 ha đất trồng, 18,8 ha đất rừng tự nhiên đều thuộc lô 540, khoảnh 44 (nay là khoảnh 4, tiểu khu 2D theo Bản đồ hiện trạng rừng xã B năm 2021; thuộc thửa đất số 234, 257, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B đo đạc năm 2006 thuộc thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn). Theo Quyết định số 687/QĐ-UBND, ngày 24-4-2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn thì diện tích nói trên thuộc quy hoạch rừng phòng hộ.

Khoảng cuối tháng 5-2022, nhằm mục đích lấy đất trồng cây Hôi và cây Quế nên Hà Đức T đã nảy sinh ý định chặt phát khu rừng trên. Đến khoảng tháng 6-2022, Hà Đức T đã gặp và thuê 02 người đàn ông (không rõ lai lịch) đang đi tìm việc làm thuê ở trạm xăng thuộc thôn H, xã C, huyện Đ để phát rừng cho Hà Đức T. Hà Đức T thỏa thuận với 02 người này giá tiền công là 250.000 đồng/người/ngày, 02 người đàn ông này đồng ý. Sau khi thỏa thuận về việc chặt phát rừng, Hà Đức T trực tiếp đưa 02 người đàn ông trên, mỗi người mang 01 con dao quắm có tra cán gỗ đến khu vực rừng thuộc lô 1B, 1C, khoảnh 4, tiểu khu 2D (theo Bản đồ hiện trạng rừng xã B năm 2021) thuộc thôn K, xã B, huyện Đ, hai người này sử dụng dao để chặt phát cây rừng. Quá trình chặt phát tại khu rừng, Hà Đức T đã nhờ một người không rõ lai lịch đang cắt gỗ keo tại đồi gần khu đồi Hà Đức T để người này sử dụng máy cắt gỗ cắt hạ những cây gỗ to giúp Hà Đức T. Sau khi chặt phát rừng trong 06 ngày, diện tích rừng chặt phát được là 15.353 m<sup>2</sup>, Hà Đức T trả tiền công cho 02 người Hà Đức T thuê chặt phát rừng số tiền 1.500.000 đồng.

Đến khoảng tháng 9-2022, không rõ ngày cụ thể, Hà Đức T đã gặp 04 người đang đi tìm việc làm thuê gồm: Phùng Văn L, Phùng Văn P, Phùng Mùi P, Lý Mùi S (tức Lý Mùi V), cùng trú tại xóm L, xã P, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Hà Đức T đặt vấn đề thuê họ đến khu vực rừng đã chặt phá thuộc lô 1B, 1C, khoảnh 4, tiểu khu 2D (theo Bản đồ hiện trạng rừng xã B năm 2021) thuộc thôn K, xã B, huyện Đ để đốt dọn thực bì và thỏa thuận sẽ trả tiền công là 250.000 đồng/người/ngày, bốn người này đồng ý. Ngày 07-9-2022, khi Phùng Văn L, Phùng Văn P, Phùng Mùi P, Lý Mùi S (tức Lý Mùi V) đang đốt dọn thực bì tại

khu vực rừng trên thì lực lượng Kiểm lâm, Công an xã phối hợp cùng chính quyền địa phương đến kiểm tra, phát hiện sự việc đã tiến hành lập biên bản.

Ngày 24-10-2022, Hạt kiểm lâm huyện, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, chính quyền xã B phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn và Hà Đức T tiến hành khám nghiệm hiện trường, đo đếm cây rừng do Hà Đức T và những người Hà Đức T thuê chặt phá tại lô 1B, 1C, khoảnh 4, tiểu khu 2D (theo Bản đồ hiện trạng rừng xã B năm 2021); thuộc thửa đất số 234, 257, tờ bản đồ số 01 (bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B đo đạc năm 2006) thuộc thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Tổng diện tích rừng bị chặt phát trắng là 15.353 m<sup>2</sup>, trong đó: Diện tích 8.740 m<sup>2</sup> gồm các cây tre nứa, cây bụi nhỏ, cây tái sinh thân gỗ đường kính nhỏ với mật độ thưa thớt, chưa có trữ lượng. Trong đó: 6.345 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 234 được đo đạc xác định hiện trạng vào năm 2006 là đất rừng tự nhiên phòng hộ (RPN) và có: 2.395 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 257, được đo đạc xác định hiện trạng vào năm 2006 là đất khoanh nuôi phục hồi phòng hộ (RPK). Diện tích 6.613 m<sup>2</sup> có mật độ cây rừng dày, đã có trữ lượng. Qua đo đếm có 133 cây đường kính gốc từ 10 – 27 cm, gồm các loại cây thân gỗ tự nhiên như: Dẻ, Chẹo và một số cây gỗ tự nhiên thuộc nhóm loài thông thường, tổng khối lượng gỗ đo được là 8,237 m<sup>3</sup>. Qua điều tra cây tái sinh mục đích tại lô rừng trên có 836 cây, tương đương mật độ 1.267 cây/ha. Tổng số cây gỗ và cây tái sinh mục đích bị chặt hạ trên diện tích 6.613 m<sup>2</sup> là 969 cây, tương đương mật độ 1.465 cây/ha. Trong đó: 4.908 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 234 được đo đạc xác định hiện trạng vào năm 2006 là đất rừng tự nhiên phòng hộ (RPN), và có: 1.705 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 257, được đo đạc xác định hiện trạng vào năm 2006 là đất khoanh nuôi phục hồi phòng hộ (RPK).

Diện tích rừng 15.353 m<sup>2</sup> bị chặt phá trên thuộc vào lô đất số 627, đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng năm 1994 tại Quyết định số 158/UB-QĐ, ngày 06/9/1994 cho hộ ông Hà Văn M. Cụ thể, vị trí có diện tích rừng bị chặt phá: 15.353 m<sup>2</sup> thuộc vào phần diện tích 18,8 ha của lô đất số 627, được xác định hiện trạng khi giao đất là rừng tự nhiên. Thửa đất số 234, 257 nằm trong lô đất 627, đối chiếu với bản đồ điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng thuộc vào quy hoạch rừng phòng hộ, theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 30/11/2022 của giám định viên Triệu Lương H, có xác nhận của Hạt kiểm lâm thành phố L, đã kết luận: Về xác định loại rừng: Diện tích 6.613 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 234, 257, tờ bản đồ số 01 (bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B đo đạc năm 2006) thuộc thôn K, xã B, huyện Đ có cây bị chặt phá thuộc trạng thái “rừng phòng hộ là rừng tự nhiên”. Về xác định khối lượng gỗ, mật độ cây: Diện tích 6.613 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 234, 257, tờ bản đồ số 01 (bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B đo đạc năm 2006) thuộc thôn K, xã B, huyện Đ có cây bị chặt phá là “rừng đã có trữ lượng” và “không thuộc đối tượng trồng mới rừng phòng hộ”.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 10/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự

huyện Đ đối với giá trị tài sản thiệt hại bao gồm toàn bộ cây rừng tự nhiên bị chặt hạ tại lô 1B, 1C, khoảnh 4, tiểu khu 2D (theo Bản đồ hiện trạng rừng xã B năm 2021) thuộc thửa đất số 234, 257, tờ bản đồ số 01 (bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B đo đạc năm 2006), kết luận: Giá rừng tự nhiên: 1.944.291 đồng. Giá trị thiệt hại đối với rừng: 7.777.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2023/HS-ST ngày 29-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Hà Đức T phạm tội Hủy hoại rừng.

Căn cứ vào điểm c khoản 1, 4 Điều 243; các điểm b, m, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50; điểm c, d khoản 2 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, phạt bổ sung bị cáo Hà Đức T 20.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1, khoản 2 Điều 589; các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Hà Đức T phải bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn tổng số tiền là 9.721.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp 8.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Hà Đức T còn phải nộp tiếp số tiền 1.721.000 đồng để bồi thường thiệt hại. Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Hà Đức T phải thanh toán cho Ủy Ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn số tiền 19.800.000 đồng để khôi phục lại tình trạng ban đầu bằng cách trồng lại rừng phòng hộ. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn có trách nhiệm đầu tư tổ chức trồng lại rừng phòng hộ, bảo vệ và phát triển rừng đối với diện tích 6.613m<sup>2</sup> đất rừng bị hủy hoại từ khoản tiền được bồi thường thiệt hại và tiền chi phí trồng rừng mà bị cáo Hà Đức T phải thanh toán; hướng dẫn cho hộ gia đình ông Hà Đức T thực hiện quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng đã được giao đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, bị cáo Hà Đức T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và miễn trách nhiệm bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Hà Đức T thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Hà Đức T rút kháng cáo xin miễn trách nhiệm bồi thường dân sự.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm kết án bị cáo về tội Hủy hoại rừng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại tòa, bị cáo đã thay đổi kháng cáo, bị cáo xin hưởng án treo và rút kháng cáo xin miễn trách nhiệm bồi thường dân sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền phạt bổ sung là 5.000.000 đồng để thi hành phần

hình phạt bổ sung đối với bị cáo, đơn xin xác nhận của bị cáo về việc chấp hành pháp luật tại địa phương. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối chiếu với các quy định của pháp luật về án treo, bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Tại tòa, bị cáo đã rút toàn bộ kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại dân sự nên không xem xét; Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo phải nộp 19.800.000 đồng để trồng rừng khôi phục lại trạng thái ban đầu là không đúng quy định của Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm không áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo. Trong quá trình quản lý rừng, bị cáo chưa được nhận tiền hỗ trợ của Nhà nước trong việc quản lý rừng phòng hộ; công tác tuyên truyền pháp luật và quản lý rừng của Cơ quan Nhà nước huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn chưa thật sự tốt, đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Nhà nước huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn làm tốt hơn nữa trong việc tuyên truyền pháp luật và quản lý rừng.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn trình độ học vấn 01/12, nhân thức pháp luật hạn chế, thuộc diện trợ giúp pháp lý, phạm tội do lạc hậu; thật thà khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại; bị cáo đã tác động gia đình nộp 5.000.000 đồng để thi hành án về phần hình phạt bổ sung; có đơn xin xác nhận việc chấp hành pháp luật của bị cáo tại địa phương; bị cáo chưa được nhận tiền hỗ trợ của Nhà nước trong việc quản lý rừng phòng hộ. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo; không áp dụng biện pháp tư pháp buộc bị cáo phải nộp 19.800.000 đồng để khôi phục trồng lại rừng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hà Đức T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Bản án sơ thẩm đã tuyên. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Hủy hoại rừng theo điểm c khoản 1, 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Hà Đức T thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Hà Đức T rút kháng cáo xin miễn trách nhiệm bồi thường dân sự. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Hà Đức T, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo theo quy định tại điểm b, s, m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Hà Đức T 02 năm 06 tháng tù là phù hợp và có căn cứ.

[3] Bị cáo phạm tội cũng chỉ vì lạc hậu, bị cáo muốn trồng cây có giá trị kinh tế hơn nên đã phá rừng; bị cáo chưa được nhận tiền hỗ trợ của Nhà nước trong việc quản lý rừng phòng hộ. Sau khi xét xử sơ thẩm, thông qua luật sư bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền là 5.000.000 đồng để thi hành hình phạt bổ sung; gia đình bị cáo có đơn xin xác nhận việc chấp hành pháp luật của bị cáo tại địa phương. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo bị phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, ổn định, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, cần trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Hà Đức T.

[4] Bị cáo Hà Đức T rút kháng cáo xin miễn trách nhiệm bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần bồi thường thiệt hại, nội dung Bản án sơ thẩm về phần bồi thường dân sự có hiệu lực pháp luật.

[5] Về áp dụng biện pháp tư pháp, thấy rằng: Theo quy định tại Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 phần áp dụng đối với người phạm tội, không có quy định về khôi phục lại tình trạng ban đầu. Việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo Hà Đức T là không có căn cứ. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm cần sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần quyết định về biện pháp tư pháp theo hướng không áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo Hà Đức T.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của người bào chữa, ý kiến nào phù hợp với nhận định trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp thì không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[8] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo và không áp dụng biện pháp tư pháp đối của bị cáo Hà Đức T; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2023/HS-ST ngày 29-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đình

Lập, tỉnh Lạng Sơn đối với phần hình phạt tù và biện pháp tư pháp của bị cáo Hà Đức T, cụ thể như sau:

1. Về phần hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1, 4 Điều 243; các điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hà Đức T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; cho hưởng án treo về tội Hủy hoại rừng. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 16-11-2023.

Giao bị cáo Hà Đức T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Hà Đức T.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Hà Đức T số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã thi hành được số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2021/0004212 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Hà Đức T còn phải tiếp tục thi hành số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

2. Về biện pháp tư pháp: Không áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo Hà Đức T, bị cáo không phải nộp số tiền 19.800.000 (mười chín triệu tám trăm nghìn) đồng cho Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để khôi phục lại tình trạng ban đầu bằng cách trồng lại rừng phòng hộ.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Hà Đức T phải bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn tổng số tiền là 9.721.000 (chín triệu bảy trăm hai mươi một nghìn) đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp 8.000.000 (tám triệu) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Hà Đức T còn phải nộp tiếp số tiền 1.721.000 (một triệu bảy trăm hai mươi một nghìn) đồng để bồi thường thiệt hại.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hà Đức T không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam, Công an tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H. Đ, tỉnh Lạng Sơn;
- CA H. Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: HS; Tòa HS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Long Kiêm**



